

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 02/02/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tính

2. Bà Trịnh Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-ST, ngày 14/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Xuân H – Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Cao Thị L – Sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Cao Xuân H trình bày:

Anh và chị Cao Thị L lấy nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/2004, tại UBND xã T. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con thứ hai là vào năm 2006 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi cọ nhau, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2015 là trầm trọng hơn. Hiện nay anh H, chị L đã ly thân từ lâu.

Khoảng tháng 10, tháng 11 chị L đi làm ăn trong Miền Nam, không quan tâm gì đến gia đình, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không xuống Tòa án làm việc. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, không tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Cao Cẩm L – Sinh ngày 02/3/2001; Cao Quốc D – Sinh ngày: 11/9/2006. Cháu Cẩm L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Quốc D hiện đang ở với bố. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Cao Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập cho chị L, nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2020 với gia đình và chính quyền địa phương. Trưởng thôn N xã T và cán bộ Tư pháp xã cho biết chị Cao Thị L hiện đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, Thanh Hóa, lâu nay chị L ở nhà mới đi Miền Nam làm ăn được mấy tháng nay. Chính quyền xã và thôn có nhận được giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị L nhưng chị L không có nhà, thi thoảng với về nên không giao được giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó căn cứ khoản 5 điều 177; điều 179 – Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Cao Thị L.

Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 và điều 273 - Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho anh H được ly hôn chị L. Đề nghị giao cháu Cao Quốc D – Sinh ngày: 11/9/2006 cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và buộc anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Cao Xuân H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn chị Cao Thị L có hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã T, C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị L vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục xác minh, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với chị Cao Thị L đảm bảo quy định tại điều 177; điều 179 – Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về Hôn nhân: Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, anh H, chị L phát sinh mâu thuẫn, hai bên cũng đã ly thân từ lâu, không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được giải quyết ly hôn, vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh Cao Xuân H được ly hôn chị Cao Thị L là phù hợp.

Về con chung: Anh H và chị L có 2 con chung là Cao Cẩm L – Sinh ngày 02/3/2001; Cao Quốc D – Sinh ngày: 11/9/2006. Cháu Cẩm L nay đã trưởng thành cháu muốn ở với ai là quyền của cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Cao Quốc D, hiện nay đang ở với anh H. Ngày 18/12/2020 cháu D có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Anh Cao Xuân H cũng có nguyện vọng nuôi con. Vì vậy nghĩ cần giao cháu Cao Quốc D cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo quy định của pháp luật. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 96; điểm b khoản 2 điều 227; điều 228 - Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Cao Xuân H. Xử cho anh H được ly hôn chị Cao Thị L. Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Cao Quốc D – Sinh ngày: 11/9/2006 cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003446, ngày 01/12/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Anh Cao Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Cao Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung